
MỐI QUAN HỆ GIỮA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ, CHẤT LƯỢNG THỂ CHẾ VÀ BẤT BÌNH ĐẲNG THU NHẬP TẠI VIỆT NAM: NGHIÊN CỨU TẠI CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ VÙNG BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG

Phạm Việt Bình

Trường Đại học Điện lực

Email: vietbinhpham@gmail.com

Mã bài báo: JED-921

Ngày nhận: 17/7/2022

Ngày nhận bản sửa: 13/8/2022

Ngày duyệt đăng: 25/8/2022

Tóm tắt:

Khu vực vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung đã và đang chuyển mình, có những thay đổi mạnh mẽ trong khoảng thời gian 15 năm qua. Kích thích, đẩy mạnh tăng trưởng, các địa phương ở đây cũng đang đối mặt với các vấn đề về chất lượng của bộ máy công quyền hay bất bình đẳng thu nhập. Nghiên cứu tập trung vào đánh giá mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, thể chế hay chất lượng thể chế và bất bình đẳng thu nhập tại khu vực trong giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2020. Kết quả cho thấy rằng việc công khai, minh bạch thông tin sẽ giúp tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng lên. Ngoài ra, việc cải thiện vấn đề tham nhũng ảnh hưởng không thuận chiều với bất bình đẳng thu nhập hay việc cải thiện thu nhập giữa các thành phần trong cư dân cũng không có tác động tích cực đến tốc độ tăng trưởng kinh tế. Điều này cho thấy rằng, các tỉnh/thành phố vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung cần có những biện pháp phù hợp nhằm cân bằng giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế; cải thiện môi trường, nâng cao chất lượng của thể chế cũng như giảm thiểu bất bình đẳng thu nhập.

Từ khóa: Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, tăng trưởng kinh tế, chất lượng thể chế, bất bình đẳng thu nhập, phương pháp S-GMM.

Mã JEL: C33, O43.

Relationship between economic growth, institutional quality and income inequality in Vietnam: The case of provinces and cities in North Central & Central Coast

Abstract:

The North Central and Central Coast regions are undergoing transformation with drastic changes over the past 15 years. Stimulating and promoting growth, local provinces are also facing problems with the quality of the public apparatus or income inequality. The study focuses on assessing the relationship between economic growth, institutional quality and income inequality in the region between 2007 and 2020. The results show that information disclosure & transparency supported to increase the economic growth rate. Besides that, improving the problem of corruption approved to have a negative impact on income inequality. In addition, improving income among the residents also effected insignificantly on economic growth. This shows that the provinces/cities in the region need to have appropriate measures to balance between economic growth goal & improve the quality of institutions as well as reduce income inequality.

Keywords: Central Coast region, economic growth rate, government quality, inequality income, S-GMM methods.

JEL Codes: C33, O43.

1. Giới thiệu

Tăng trưởng kinh tế chậm, phân phối thu nhập bất bình đẳng hay tồn tại những nhiễu, chi phí ngầm trong hoạt động của bộ máy công quyền là những vấn đề tồn tại của các nước đang phát triển. Mục tiêu của phát triển kinh tế là nâng cao đời sống, phúc lợi hay tạo ra các cơ hội tiếp cận nguồn lực sản xuất cho người dân. Nghiên cứu của Gyimah-Brempong (2002) chỉ ra rằng tham nhũng tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế, và phân nào làm tăng bất bình đẳng thu nhập. Điều đó cho thấy rằng chất lượng thể chế có thể cản trở cơ hội nâng cao chất lượng của cuộc sống của người dân - bất kỳ ở tầng lớp nào, mà đặc biệt là người nghèo, từ đó sẽ kéo lùi tốc độ tăng trưởng kinh tế. Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng thu nhập cũng được đề xuất đánh giá dựa trên một số lý thuyết nền tảng và trong bối cảnh phù hợp (Alesina & Rodrik, 1994; Kuznets, 1955; Persson & Tabellini, 1991).

Các nghiên cứu trong nước cũng đánh giá tác động hay đánh giá tầm quan trọng của việc cải thiện chất lượng thể chế tại Việt Nam, Nguyễn Kế Tuấn (2016) đề cao vai trò của Nhà nước trong quá trình tái cơ cấu nền kinh tế tại Việt Nam trong thời gian gần đây, tác giả nhấn mạnh việc phải thay đổi tư duy nhận thức từ vai trò quản lý, theo đó chất lượng vận hành (hiệu lực, hiệu quả) hay chất lượng của những cá nhân trong bộ máy (năng lực, bản lĩnh, phẩm chất) được chú trọng phải cải thiện. “Tạo môi trường kinh doanh bình đẳng”, “Chức năng kiểm tra, kiểm soát hoạt động đúng chức năng”, “xây dựng nền hành chính phục vụ” hay “dân chủ, thu hút các lực lượng xã hội tham gia vào đầu tư và quản lý sự phát triển” là những giải pháp mà tác giả đề ra đối với Chính phủ Việt Nam. Bên cạnh đó, nghiên cứu về thực trạng về chính sách cũng như các hiệu quả của bộ máy hành chính công cũng được Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI (2020) hay Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc - UNDP Vietnam (2020) đánh giá hàng năm. Thực tế qua những con số cho thấy những chuyển biến tích cực từ hệ thống pháp luật hay chính sách, tuy nhiên nó còn manh mún và chưa đồng bộ. Nghiên cứu thường kỳ của Ngân hàng Thế giới (2022) đánh giá về thực trạng nghèo & bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam cho rằng (i) hỗ trợ năng suất nông nghiệp là cách thức hiệu quả để duy trì thu nhập với các người dân ở khu vực nông thôn (ii) các văn bản pháp luật cần được tăng cường các nội dung nhằm bảo vệ quyền lợi của đồng bào thiểu số (iii) tiếp tục cải thiện chất lượng và khả năng tiếp cận giáo dục bậc cao (iv) cần một lượng vốn đầu tư công phù hợp để xóa nghèo và phát triển tầng lớp trung lưu; là các giải pháp giúp giảm chênh lệch thu nhập giữa các khu vực hay tầng lớp lao động, gián tiếp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung có bờ biển dài, với những lợi thế đặc biệt nhưng các địa phương ở đây vẫn chưa có những bước chuyển mình mạnh mẽ để tận dụng những ưu thế của riêng mình. Nghiên cứu tập trung chỉ ra mối quan hệ giữa thể chế, bất bình đẳng thu nhập và tốc độ tăng trưởng tại khu vực các tỉnh duyên hải Trung Bộ; có thể các ảnh hưởng của thể chế hay bất bình đẳng thu nhập không phải đều ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng trong cùng một thời điểm, tuy nhiên nó có thể được chỉ ra trong một số mốc thời gian cụ thể với ảnh hưởng của từng nhân tố.

2. Tổng quan nghiên cứu

Mối quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng kinh tế, bất bình đẳng thu nhập giữa các địa phương và chất lượng thể chế thường được nghiên cứu độc lập theo ba hướng chính: (i) tăng trưởng kinh tế bất bình đẳng thu nhập (Alesina & Rodrik, 1994; Mankiw, 2020; Persson & Tabellini, 1991), (ii) tăng trưởng kinh tế và chất lượng thể chế (Carraro & Karfakis, 2018; Evans & Rauch, 1999; Olson & cộng sự, 2000), (iii) chất lượng thể chế và bất bình đẳng thu nhập (Kaufmann & cộng sự, 1999a,b; 2013; Kyriacou & cộng sự, 2015).

Các nghiên cứu về mối quan hệ giữa bất bình đẳng thu nhập và tăng trưởng kinh tế, điển hình là giả thuyết chữ U ngược của Kuznets (1955) là một trong những nghiên cứu đầu tiên. Cụ thể, một số lượng lớn người lao động có thu nhập thấp trong lĩnh vực nông nghiệp chuyển sang lĩnh vực công nghiệp với thu nhập cao hơn trong giai đoạn đầu, từ đó tăng trưởng kinh tế sẽ tăng lên cùng với sự bất bình đẳng thu nhập, nhưng việc phân phối lại không cân bằng. Cho đến khi một số lượng lao động đáng kể đã di chuyển đến khu vực thành thị, thu nhập bình quân sẽ đạt đỉnh trong chữ U ngược, do vậy tạo ra sự khác biệt về thu nhập giữa thành thị và nông thôn. Giai đoạn tiếp theo chứng kiến sự can thiệp của Chính phủ nhằm giảm thiểu sự khác biệt này bằng các chính sách vĩ mô. Nghiên cứu của Kuznets cho thấy bất bình đẳng thu nhập và giảm nghèo sẽ kéo dài hơn ở các nước đang phát triển trong giai đoạn đầu của việc thúc đẩy tăng trưởng. Trong khi, tồn tại một số điều kiện để một thị trường hiệu quả có thể hoạt động với cơ chế này (Stiglitz, 2000). Chất lượng quản lý công được đề cập đến trong nghiên cứu của Valeriani & Peluso (2011) khi tăng trưởng kinh tế có ảnh hưởng tích cực từ việc nâng cao chất lượng của bộ máy này, từ đó giảm chênh lệch thu nhập của cư dân tại các địa

phương khác nhau. Các nghiên cứu của Canaletta & cộng sự (2004) và Lessmann (2009) cũng cùng chung quan điểm này khi thực nghiệm tại các quốc gia đã phát triển. Nhưng kết quả ngược lại tại các nước đang phát triển (Lessmann, 2012; Rodríguez-Pose & Ezcurra, 2010). Nghiên cứu của Hung & cộng sự (2020) đánh giá mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, chất lượng thể chế và bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam giai đoạn từ 2006 đến 2017 và chỉ ra rằng (i) cần nâng cao chất lượng thể chế để tạo ra công bằng và cơ hội cho người nghèo để nâng cao mức sống và từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, (ii) mặt khác tăng trưởng kinh tế cũng có ảnh hưởng tích cực đến việc hoàn thiện thể chế nhưng tồn tại sự đánh đổi giữa tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng thu nhập, (iii) bất bình đẳng về thu nhập làm giảm động lực cải thiện chất lượng bộ máy chính quyền từ chính phủ. Từ các nghiên cứu đi trước, nghiên cứu này sẽ tập trung đánh giá mối quan hệ giữa ba nhân tố: tăng trưởng kinh tế, thể chế - chất lượng của bộ máy công quyền và bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam với khu vực cụ thể là các địa phương tại vùng Bắc Trung Bộ và khu vực duyên hải miền Trung, nơi đang tiếp tục được kỳ vọng sẽ có các thay đổi mạnh mẽ để cải thiện chất lượng tăng trưởng.

3. Dữ liệu, phương pháp và mô hình nghiên cứu

Dữ liệu của nghiên cứu được thu thập từ Niên giám thống kê của các tỉnh được cung cấp bởi Tổng cục Thống kê từ năm 2007 đến năm 2020.

Mô hình nghiên cứu được tác giả đề xuất dựa trên nghiên cứu đi trước của Creswell & Clark (2017) và Hung & cộng sự (2020).

Mối quan hệ được đánh giá thông qua mô hình kinh tế lượng SEM với công thức dưới đây:

$$RI_{it} = \mu_0 + \mu_1 GR_{it} + \mu_2 GQ_{it} + u_{1,it}$$

$$GR_{it} = \eta_0 + \eta_1 RI_{it} + \eta_2 GQ_{it} + u_{2,it}$$

$$GQ_{it} = \lambda_0 + \lambda_1 RI_{it} + \lambda_2 GR_{it} + u_{3,it}$$

Trong đó:

Chỉ số i đại diện cho tỉnh/thành phố, t là thời gian.

GR là biến đại diện cho tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh/thành phố i tại thời điểm t .

RI là biến đại diện cho bất bình đẳng thu nhập, được biểu thị bằng thu nhập bình quân đầu người của tỉnh/thành phố i chia cho với thu nhập bình quân đầu người của quốc gia tại thời điểm t mô tả sự khác biệt về thu nhập của tỉnh/thành phố i với toàn bộ đất nước tại thời điểm t .

Phương pháp hồi quy số liệu mảng với mô hình hồi quy số liệu mảng động khắc phục được các nhược điểm của mô hình tĩnh về việc xử lý vấn đề nội sinh cũng như tính không đồng nhất giữa các phần tử. Blundell & cộng sự (2001) cho rằng GMM ước lượng không trọng số có thể sẽ không phù hợp khi T nhỏ vì ước lượng khá ngẫu nhiên, do đó các tác giả đề xuất phương pháp S-GMM (System GMM) dựa trên ý tưởng của Arellano & Bover (1995) khi đề xuất phương pháp D-GMM (Difference GMM) bằng cách bổ sung một vài ràng buộc. Thực nghiệm với S-GMM trên Stata được hướng dẫn trong nghiên cứu của Roodman (2009).

Nghiên cứu sử dụng các chỉ tiêu sau để đánh giá chất lượng của thể chế: (i) Chỉ số đánh giá Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) giai đoạn 2007-2020 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và (ii) Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) giai đoạn 2011-2020 của Trung tâm Nghiên cứu Phát triển & Hỗ trợ Cộng đồng (CECODES) trực thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam và Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) tại Việt Nam.

Nghiên cứu đánh giá chất lượng của thể chế thông qua 02 thành phần: minh bạch và tham nhũng. Với PCI, chỉ số thành phần “Tính minh bạch” (PCIT) được đánh giá thông qua cảm nhận của doanh nghiệp về tính minh bạch trong việc tiếp cận các văn bản pháp luật & “Tham nhũng” (PCIC) được thể hiện thông qua việc các doanh nghiệp thường phải trả thêm các chi phí không chính thức; các chỉ số này càng lớn thì chất lượng của bộ máy Chính phủ càng tốt. Với bộ chỉ số PAPI, chỉ tiêu “Tính minh bạch” (PAPIT) thể hiện thông qua ý kiến về tính công khai và minh bạch trong việc tiếp cận dịch vụ công cấp tỉnh và “Khả năng kiểm soát tham nhũng” (PAPIC) được thể hiện thông qua nhận thức của mọi người về khả năng kiểm soát tham nhũng trong khu vực công. Các chỉ số này càng cao cho thấy sự đánh giá tích cực từ người dân dành cho cách thức đáp ứng nhu cầu từ Chính phủ.

4. Kết quả và thảo luận

Các chỉ số PCI và PAPI có giá trị trải từ 0 đến 10, bốn chỉ số được lựa chọn là tương đối đồng đều khi dao động từ giá trị xấp xỉ 4 đến gần 8; cho thấy những cải cách, cải thiện về các chỉ số này ở các địa phương

Bảng 1: Thống kê mô tả các biến trong mô hình đề xuất

Biến	Số quan sát	Trung vị	Độ lệch chuẩn	Biến nhỏ nhất	Biến lớn nhất
GR	196	9,30	5,66	-15,31	36,2
PCIT	196	6,19	0,56	4,72	7,92
PCIC	196	5,92	0,87	3,77	7,94
PAPIT	140	5,60	0,56	4,49	7,24
PAPIC	140	6,30	0,59	4,49	7,56
RI	196	0,788	0,19	0,54	1,54

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên kết quả sử dụng phần mềm Stata.

vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung là tương đối tích cực.

Trong khi chỉ số RI cho thấy tồn tại một số địa phương tại khu vực tại những thời điểm nhất định có thu nhập tương đối cao so với mặt bằng chung của 63 tỉnh/thành phố. Trong khi đó, một số địa phương cũng đạt được giá trị tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa (GDP) lên đến 36,2% một năm, mặt khác cũng tồn tại giá trị âm đến 15,31% tại thời điểm cụ thể khi năm 2020 chứng kiến sự khó khăn chưa từng có của kinh tế Việt Nam khi đối mặt với ảnh hưởng của đại dịch do Covid 19 gây ra.

Bảng 2: Kết quả ước lượng thực nghiệm với biến PCIT

Biến độc lập	Biến phụ thuộc		
	RI	GR	GQ
RI		-16,058**	-1,179
GR	-0,001		-0,008
GQ	-0,015*	-1,281	
Cons	0,889***	29,896***	6,936***
Sargan	0,000	0,000	0,000

Trong ngoặc là giá trị z-test hoặc t-test, với ***, **, * lần lượt là giá trị p-value tương ứng với mức ý nghĩa nhỏ hơn 1%, 5%, 10%.

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên kết quả sử dụng phần mềm Stata.

Bảng 3: Kết quả ước lượng thực nghiệm với biến PCIC

Biến độc lập	Biến phụ thuộc		
	RI	GR	GQ
RI		-17,509*	-6,020***
GR	-0,001**		-0,030**
GQ	-0,014***	-0,397	
Cons	0,882***	25,457**	10,958***
Sargan	0,000	0,000	0,000

Trong ngoặc là giá trị z-test hoặc t-test, với ***, **, * lần lượt là giá trị p-value tương ứng với mức ý nghĩa nhỏ hơn 1%, 5%, 10%.

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên kết quả sử dụng phần mềm Stata.

Với kết quả ước lượng của hai chỉ số thành phần PCI, ảnh hưởng ngược chiều được nhận ra khi xác định tác động của “tính minh bạch” & “tham nhũng” đến bất bình đẳng thu nhập cho thấy rằng nỗ lực cải thiện về thể chế, chất lượng phục vụ nhưng những nỗ lực đó giúp các địa phương giáp biên tại miền Trung cải thiện việc chênh lệch thu nhập giữa người dân địa phương và mặt bằng thu nhập của người dân trên toàn quốc. Mặt khác, chênh lệch thu nhập bình quân của người dân tăng lên cũng có các tác động không tích cực đến chỉ số “tham nhũng” mô tả đến việc hành vi giao dịch những chi phí không chính thức giữa doanh nghiệp và các cơ quan thực thi thuộc cơ quan công quyền sẽ bị giảm đi (Hung & cộng sự, 2020).

Ngoài ra, chỉ số đánh giá sự chênh lệch giữa thu nhập của người dân tại các tỉnh/thành phố cũng không thúc đẩy việc gia tăng tốc độ tăng trưởng tại các địa phương, hay tốc độ tăng trưởng cũng có quan hệ ngược chiều với bất bình đẳng thu nhập trong mô hình sử dụng chỉ số PCIC. Điều này dễ hiểu khi đây là yếu tố chính làm tăng thu nhập, một vấn đề phải cân nhắc đánh đổi trong mục tiêu của chính quyền.

Một xu hướng tương tự được nhận ra khi sử dụng các chỉ số của bộ chỉ số PAPI, khi tốc độ tăng trưởng kinh tế cũng không giúp thu nhập của người dân địa phương bớt chênh lệch với thu nhập trung bình chung

Bảng 4: Kết quả ước lượng thực nghiệm với biến PAPIT

Biến độc lập	Biến phụ thuộc		
	RI	GR	GQ
RI		-10,719	1,095
GR	-0,002***		0,023**
GQ	0,010	2,664**	
Cons	0,750***	1,644	4,558***
Sargan	0,000	0,000	0,000

Trong ngoặc là giá trị z-test hoặc t-test, với ***, **, * lần lượt là giá trị p-value tương ứng với mức ý nghĩa nhỏ hơn 1%, 5%, 10%.

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên kết quả sử dụng phần mềm Stata.

Bảng 5: Kết quả ước lượng thực nghiệm với biến PAPIC

Biến độc lập	Biến phụ thuộc		
	RI	GR	GQ
RI		-9,783	0,699
GR	-0,003***		-0,059***
GQ	0,000	-3,491***	
Cons	0,806***	37,751***	6,237***
Sargan	0,000	0,000	0,000

Trong ngoặc là giá trị z-test hoặc t-test, với ***, **, * lần lượt là giá trị p-value tương ứng với mức ý nghĩa nhỏ hơn 1%, 5%, 10%.

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên kết quả sử dụng phần mềm Stata.

quốc gia. Hơn nữa, với kết quả của 2 chỉ số chỉ ra tác động trái ngược giữa ảnh hưởng của chất lượng bộ máy đến tốc độ tăng trưởng kinh tế. Với chỉ số PAPIT mô tả cho sự cải thiện việc công bố thông tin, minh bạch trong hoạt động tổ chức, tăng trưởng kinh tế sẽ tăng nếu công cuộc này được cải thiện (Gupta & Kabundi, 2011; Gyimah-Brempong, 2002). Ở phương diện khác, một mặt việc cải thiện các chi phí không chính thức từ ý kiến của người dân lại không kích thích tăng trưởng kinh tế; và kết quả từ mô hình sử dụng PAPIC cũng cho thấy tăng trưởng kinh tế không làm cho chỉ số “Khả năng kiểm soát tham nhũng” tăng lên.

5. Kết luận và khuyến nghị

Bất bình đẳng thu nhập và các chủ đề xoay quanh về chất lượng của Chính phủ tại Việt Nam có được quan tâm trong thời gian gần đây không chỉ từ phía các nhà nghiên cứu mà cả các nhà quản lý, doanh nghiệp cũng như người dân. Chỉ số PCI hay PAPI cũng đã và đang tạo được sức ảnh hưởng, giúp bộ máy chính quyền các địa phương biết được tình trạng về chất lượng dịch vụ công hay các hoạt động của thể chế mình đang xây dựng. Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung bao gồm các địa phương được xem là năng động và thích ứng nhanh, có chỉ số này cải thiện rõ ràng cũng như vị trí vượt bậc trong thời gian vừa qua. Tuy nhiên, một số tỉnh/thành phố mặc dù có những nỗ lực nhất định nhưng vẫn chưa đạt được mục đích mà mình kỳ vọng, từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương.

Giảm nghèo hay thu hẹp bất bình đẳng thu nhập là một vấn đề xã hội được quan tâm bởi các tổ chức trong nước và quốc tế, cũng là một vấn đề cần giải quyết để có được sự tăng trưởng bền vững tại Việt Nam. Dựa trên kết quả của nghiên cứu, việc giảm nghèo có xu hướng được hỗ trợ bởi việc cải thiện, hoàn thiện thể chế nhưng không giúp tăng trưởng kinh tế tại các địa phương nằm ở khu vực nối giữa miền Bắc và Nam của đất nước. Theo đó, việc nâng cao các chuẩn đạo đức hay tạo điều kiện cho người dân yếu thế tiếp cận với điều kiện giáo dục trong thời đại mới, từ đó có công việc với thu nhập cao hơn có quan hệ cùng chiều với việc cải thiện Tính minh bạch hay Tham nhũng trong bộ máy công, lý do được phù hợp có vẻ như Tham nhũng sẽ có những tác động làm chệch lệch thu nhập giữa công việc trong khu vực nhà nước và khu vực tư nhân.

Bên cạnh đó, kết quả ước lượng mô hình cho thấy việc chính quyền các địa phương trong khu vực công khai thông tin, minh bạch trong các hoạt động, tổ chức,... giúp cho tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ hơn. Trong khi đó, việc giảm thiểu chi phí không chính thức lại dường như làm giảm đi khả năng tăng tổng sản phẩm quốc nội (GRDP) của các tỉnh/thành phố trong khu vực.

Quyết định 462/QĐ-TTg phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 vừa được Chính phủ ký ban hành ngày 14 tháng 04 năm 2022,

mục tiêu đề ra là “Tập trung phát triển mạnh kinh tế biển kết hợp với bảo đảm quốc phòng - an ninh trên biển, nhất là đánh bắt và nuôi trồng hải sản xa bờ. Cơ cấu lại nông, lâm nghiệp, khai thác, nuôi trồng thủy, hải sản gắn với công nghiệp chế biến, bảo đảm bền vững và hiệu quả cao. Nâng cao hiệu quả phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp lọc hóa dầu, luyện kim, sản xuất, lắp ráp ô tô. Phát triển nhanh, đồng bộ năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Tăng cường liên kết vùng, tiếp tục hình thành, phát triển hệ thống đô thị ven biển, các trung tâm du lịch biển, du lịch sinh thái mang tầm khu vực và quốc tế. Phát huy hiệu quả các hành lang kinh tế Đông - Tây; phát triển các cảng biển và dịch vụ cảng biển, hạ tầng và các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá. Nâng cao năng lực phòng, chống, giảm thiểu thiệt hại của thiên tai, bão lũ, hạn hán, chủ động ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, chống sa mạc hóa, sạt lở bờ sông, bờ biển”. Với chủ trương có được các nhóm địa phương có mối quan hệ chặt chẽ thúc đẩy liên kết vùng, kỳ vọng rằng Khu vực sẽ có được những chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa, khai thác lợi thế bờ biển dài, cùng với thúc đẩy các khu công nghiệp hoạt động hiệu quả, giúp cụ thể hóa nỗ lực thúc đẩy thu nhập của người dân đạt được mặt bằng chung của cả nước đi kèm với tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh - hay có thể hiểu rằng “tăng trưởng bền vững”.

Từ kết quả ước lượng cũng như định hướng của Chính phủ, tác giả đề xuất các giải pháp sau: *Thứ nhất*, tiếp tục công cuộc “Lãnh mạnh hóa chính sách, minh bạch hóa thể chế” từ mối quan hệ tích cực của chỉ số “Tính minh bạch” và tăng trưởng kinh tế: (i) Công khai các cơ chế, chủ trương, chính sách đang và chuẩn bị được áp dụng. Các chính sách của bộ máy công quyền hay các quy hoạch về phát triển kinh tế - xã hội cần được cung cấp thông tin để doanh nghiệp, người dân đóng góp tham gia ý kiến nhằm đạt được sự đồng thuận cao trong áp dụng trên thực tế; (ii) Chú trọng vào công tác cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh hay chỉ số hiệu quả và quản trị hành chính công cấp tỉnh; Nhóm các tỉnh như Đà Nẵng, Quảng Nam hay Thanh Hóa đã minh chứng cho tốc độ tăng trưởng kinh tế dựa trên cải thiện chất lượng của bộ máy hành chính. *Thứ hai*, cần có các chính sách phù hợp và độc lập dành cho việc giảm thiểu bất bình đẳng thu nhập của địa phương cũng như trong các quận/huyện/thành phố trực thuộc, từ kết quả ngược chiều của bất bình đẳng thu nhập và tăng trưởng kinh tế mặc dù ảnh hưởng tích cực từ các công cuộc cải cách của chính quyền, hoàn thiện thể chế. Một số đề xuất đề ra như sau: (i) Đảm bảo chất lượng giáo dục công bằng hay khả năng tiếp cận và chất lượng giáo dục bậc cao cho người có thu nhập thấp, (ii) Chú trọng vào hệ thống an sinh xã hội, cụ thể như xử lý bất cập về phạm vi bao phủ hay đầu tư cho nhu cầu hiện đại hóa năng lực quản lý, (iii) Cải cách chính sách tài khóa hỗ trợ việc giảm bất bình đẳng, ví dụ như xử lý tăng thuế trực thu và giảm đóng góp bảo hiểm xã hội hay mở rộng đối tượng nộp thuế thu nhập, đây là các cách thức đảm bảo, có thể là tăng nguồn thu từ thuế mà đảm bảo nguồn lực dành cho việc rút ngắn khoảng cách thu nhập.

Tài liệu tham khảo

- Alesina, A. & Rodrik, D. (1994), ‘Distributive politics and economic growth’, *The quarterly journal of economics*, 109(2), 465-490.
- Arellano, M. & Bover, O. (1995), ‘Another look at the instrumental variable estimation of error-components models’, *Journal of econometrics*, 68(1), 29-51.
- Blundell, R., Bond, S. & Windmeijer, F. (2001), *Estimation in dynamic panel data models: improving on the performance of the standard GMM estimator Nonstationary panels, panel cointegration, and dynamic panels*, Emerald Group Publishing Limited, 53-91.
- Canaleta, C.G., Pascual Arzoz, P. & Rapun Garate, M. (2004), ‘Regional economic disparities and decentralisation’, *Urban studies*, 41(1), 71-94.
- Carraro, A. & Karfakis, P. (2018), ‘Institutions, economic freedom and structural transformation in 11 sub-Saharan African countries’, *FAO agricultural development economics working paper 18-01*, FAO, Rome.
- Creswell, J.W. & Clark, V.L.P. (2017), *Designing and conducting mixed methods research*, Sage publications.
- Evans, P. & Rauch, J.E. (1999), ‘Bureaucracy and growth: A cross-national analysis of the effects of “Weberian” state structures on economic growth’, *American sociological review*, 64, 748-765.
- Gupta, R. & Kabundi, A. (2011), ‘A large factor model for forecasting macroeconomic variables in South Africa’, *International Journal of Forecasting*, 27(4), 1076-1088.
- Gyimah-Brempong, K. (2002), ‘Corruption, economic growth, and income inequality in Africa’, *Economics of*

governance, 3(3), 183-209.

- Hung, N.T., Yen, N.T.H., Duc, L.D.M., Thuy, V.H.N. & Vu, N.T. (2020), 'Relationship between government quality, economic growth and income inequality: Evidence from Vietnam', *Cogent Business & Management*, 7(1), 1736847.
- Kaufmann, D., Kraay, A. & Zoido-Lobaton, P. (1999a), *Aggregating governance indicators*, World Bank publications.
- Kaufmann, D., Kraay, A. & Zoido-Lobaton, P. (1999b), 'Governance matters', *Policy Research Working Paper Series 2196*, The World Bank.
- Kaufmann, D., Kraay, A. & Zoido-Lobaton, P. (2013), *Governance matters II: updated indicators for 2000-01*, World Bank Publications.
- Kuznets, S. (1955), 'Economic growth and income inequality', *The American Economic Review*, XLV(1), 1-28.
- Kyriacou, A.P., Muinelo-Gallo, L. & Roca-Sagalés, O. (2015), 'Fiscal decentralization and regional disparities: The importance of good governance', *Papers in Regional Science*, 94(1), 89-107.
- Lessmann, C. (2009), 'Fiscal decentralization and regional disparity: evidence from cross-section and panel data', *Environment and Planning A*, 41(10), 2455-2473.
- Lessmann, C. (2012), 'Regional inequality and decentralization: an empirical analysis', *Environment and Planning A*, 44(6), 1363-1388.
- Mankiw, N.G. (2020), *Principles of economics*, Cengage Learning.
- Ngân hàng Thế giới (2022), *Đánh giá Thực trạng Nghèo và Bình đẳng của Việt Nam năm 2022 - Từ Chặng đường Cuối đến Chặng đường kế tiếp*, Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam.
- Nguyễn Kế Tuấn (2016), 'Phát triển đất nước thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại', *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 233, 20-31.
- Olson, M., Sarna, N. & Swamy, A.V. (2000), 'Governance and growth: A simple hypothesis explaining cross-country differences in productivity growth', *Public Choice*, 102(3), 341-364.
- Persson, T. & Tabellini, G. (1991), 'Is inequality harmful for growth? Theory and evidence', *NBER Working Papers No 3599*, National Bureau of Economic Research, Inc.
- Rodríguez-Pose, A. & Ezcurra, R. (2010), 'Does decentralization matter for regional disparities? A cross-country analysis', *Journal of Economic Geography*, 10(5), 619-644.
- Roodman, D. (2009), 'How to do xtabond2: An introduction to difference and system GMM in Stata', *The Stata Journal*, 9(1), 86-136.
- Stiglitz, J.E. (2000), 'Capital market liberalization, economic growth, and instability', *World Development*, 28(6), 1075-1086.
- UNDP Vietnam (2020), *Chỉ số PAPI và xu thế biến đổi trong hiệu quả quản trị và hành chính công từ 2011-2020*, Chương trình phát triển liên hợp quốc tại Việt Nam.
- Valeriani, E. & Peluso, S. (2011), 'The impact of institutional quality on economic growth and development: An empirical study', *Journal of Knowledge Management, Economics and Information Technology*, 1(6), 1-25.
- VCCI (2020), *Báo cáo PCI qua các năm*, Retrieved from Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hà Nội.